

BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN VÀ VIỆC BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

Lê Kinh Thang¹

TÓM TẮT

Biên soạn từ điển là hoạt động đã có từ rất sớm và từ điển học (lexicography) là khoa học nghiên cứu về việc biên soạn từ điển. Từ điển với rất nhiều hình thức khác nhau của nó đã trở thành một công cụ không thể thiếu đối với nhiều người, đáp ứng nhu cầu sử dụng chính xác, hiệu quả ngôn ngữ. Nhận thức đúng đắn về tính khoa học của hoạt động biên soạn từ điển vẫn là việc làm cần thiết, có ý nghĩa đối với không chỉ các nhà ngôn ngữ học mà còn với những người quan tâm đến việc chuẩn hóa ngôn ngữ. Bài viết này tập trung vào việc giới thiệu chung về từ điển, việc biên soạn từ điển và nêu lên một số đề xuất về việc biên soạn từ điển chính tả tiếng Việt nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện nay.

***Từ khóa:** Biên soạn từ điển, từ điển, từ điển chính tả, tiếng Việt, chuẩn hóa ngôn ngữ*

1. Một số vấn đề chung về từ điển và biên soạn từ điển

1.1. Khái niệm từ điển, từ điển học

Như nhiều thuật ngữ khoa học khác, từ điển (dictionary) là một khái niệm còn gây nhiều tranh luận. Có hàng trăm định nghĩa của các nhà khoa học về thuật ngữ này. Sự khác biệt đó thường bắt nguồn từ mục đích định nghĩa, từ góc độ tiếp cận khái niệm của các tác giả. Tuy nhiên, từ các định nghĩa khác nhau về thuật ngữ này chúng ta có thể nhận thấy những điểm tương đồng cơ bản bên cạnh một vài dị biệt không đáng kể.

Thuật ngữ từ điển được John Garland sử dụng lần đầu ở thế kỷ 13 và sau đó được Thomas Elyot (1538) diễn đạt bằng thuật ngữ tiếng Anh “dictionary”. Từ “dictionary” (từ điển) bắt nguồn từ tiếng Latinh, “diction”, có nghĩa là “word” (từ).

Từ điển, nhìn từ góc độ là một thuật ngữ ngôn ngữ học, là một danh mục các

từ có giải nghĩa (từ điển thông thường) hoặc một danh mục các chữ (từ điển chính tả), hoặc là danh mục các từ tương ứng với các từ trong ngôn ngữ khác (từ điển đối dịch). Từ điển thường cung cấp các thông tin liên quan đến từ được nêu ra, chẳng hạn, thông tin về cách phát âm, ngữ pháp, các hình thức từ (đối với các ngôn ngữ biến hình), nguồn gốc, minh họa, cách dùng và các ví dụ, các cấu trúc chứa từ đang được đề cập tới.

Các từ điển thường chứa đựng các thông tin, hiểu biết về ngôn ngữ (linguistic knowledge) chứ không phải là các thông tin, hiểu biết về thế giới (world knowledge). Những hiểu biết về thế giới thường chỉ xuất hiện trong các từ điển bách khoa (encyclopedia).

Việc định nghĩa từ điển chỉ được xác định đầy đủ, chính xác nếu chúng ta gắn nó với mục đích và lĩnh vực cụ thể mà người biên soạn chúng đặt ra. Có thể định nghĩa từ điển như là sự thể hiện

¹Trường Đại học Đồng Nai
Email: lekinhthang@gmail.com

của một phần vốn từ vựng của một ngôn ngữ để phục vụ một mục đích nhất định. Một cách chính xác, có thể nói, không có từ điển nào có thể bao quát, phản ánh đầy đủ toàn bộ từ vựng của một ngôn ngữ. Một từ điển được xem là đầy đủ khi nó tiệm cận đến vốn từ được sử dụng nhiều nhất, thường xuyên nhất và được công nhận bởi đông đảo người sử dụng ngôn ngữ đó.

E.A. Nida cho rằng: “Từ điển là sự miêu tả phân bố của các đơn vị ngôn ngữ (thường là từ) từ phương diện ngữ cảnh ngôn ngữ và văn hóa, trong đó, nhìn chung, ngữ cảnh văn hóa đóng vai trò chính” [1, tr. 279].

Từ điển học là khoa học và nghệ thuật biên soạn từ điển. Từ điển học nghiên cứu những vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong việc biên soạn từ điển. Từ điển học được chấp nhận rộng rãi như là một phân ngành của ngôn ngữ học. Nhiệm vụ của các nhà từ điển là miêu tả các mục từ từ vựng và sắp xếp chung theo một trật tự nhất định.

Các nhà từ điển, cho dù có quan niệm khác nhau về công việc của mình, đều chia sẻ việc biên soạn từ điển là hoạt động miêu tả (descriptive activity), ghi chép cách dùng đang được chấp nhận chứ không phải đưa ra các chuẩn tắc (prescriptive/ normative rules) về cách dùng của các từ hay về những cách dùng không đúng của các từ trong ngôn ngữ đó. Tuy nhiên, việc xác định cách dùng được chấp nhận hiện tại có thể không giống nhau giữa các tác giả biên soạn từ điển. Người biên soạn từ điển cũng cần phải lưu ý tới những thay đổi

của từ vựng, nghĩa của từ trong một ngôn ngữ bởi cách dùng của các từ có thể thay đổi theo các thời kỳ, giai đoạn khác nhau cũng như cách dùng của các từ có thể bị ảnh hưởng, chi phối bởi phong cách, vùng miền khác nhau.

1.2. Phân loại từ điển

Việc phân loại từ điển được xem là một trong những nhiệm vụ thiết yếu của các nhà từ điển học. L.V. Shcherba, nhà ngôn ngữ học hàng đầu người Nga, trong công trình “Kinh nghiệm lý thuyết đại cương về từ điển học” (Experience of the general theory of lexicography), đã phân loại từ điển dựa trên sáu đối lập cơ bản sau:

1) Từ điển học thuật (Dictionary of Academic) và Từ điển thông tin (Informative Dictionary);

2) Từ điển bách khoa thư (Encyclopedic Dictionary) và Từ điển đại cương (General Dictionary);

3) Từ điển đồng nghĩa (Concordance/ Thesaurus) và Từ điển định nghĩa thông thường (Ordinary/ Regular Dictionary);

4) Từ điển thông thường (Ordinary Dictionary) và Từ điển khái niệm/ phạm trù (Ideological Dictionary);

5) Từ điển định nghĩa (Defining Dictionary) và Từ điển dịch (Translating Dictionary);

6) Từ điển lịch đại (Historical Dictionary) và Từ điển phi lịch đại (Nonhistorical Dictionary) (dẫn theo [2]).

Các đối lập trên dựa trên tập hợp các đặc tính thiết yếu như đối tượng miêu tả hoặc một phương diện nổi trội của đối tượng miêu tả nào đó; hoặc

phương pháp và bản chất ngữ nghĩa của các đơn vị từ vựng (vocabulary units), v.v... Hướng phân loại của ông vừa phản ánh được bức tranh các loại từ điển vừa góp phần định hướng, xây dựng lý thuyết loại hình học về từ điển trong nhiều thập kỷ qua.

E.A. Nida dựa trên mục đích của việc biên soạn từ điển, nêu ra 3 loại từ điển cơ bản:

1) (Từ điển) liệt kê các mục từ có định nghĩa kèm theo (nhưng không quan tâm đến ngữ cảnh sử dụng);

2) (Từ điển) liệt kê các mục từ có bối cảnh ngôn ngữ kèm theo;

3) (Từ điển) liệt kê các mục từ có ngữ cảnh văn hóa kèm theo [1, tr. 279-280].

Việc phân loại từ điển, như quan điểm của B.T. Atkins và M. Rundell [3, tr. 27], không đơn giản và cần phải dựa vào nhiều tiêu chí, đặc điểm. Việc biên soạn một từ điển nào đó, cần phải quan tâm đến việc lựa chọn tiêu chí một cách cẩn thận trên cơ sở mục đích thương mại và đối tượng sử dụng từ điển. Có vậy, việc biên soạn từ điển mới đạt hiệu quả tối ưu.

1.3. Việc biên soạn từ điển

Hoạt động biên soạn từ điển đòi hỏi người biên soạn vừa phải có những hiểu biết chuyên ngành, hiểu biết ngôn ngữ vừa phải có những hiểu biết kỹ thuật về in ấn. Việc biên soạn từ điển được một số tác giả xem đó là một hoạt động có tính thủ công và mang tính chất hoạt động nghệ thuật, nó có thể có tính khoa học chứ không phải là một hoạt động khoa học; tuy nhiên, phần lớn các tác giả xem đó là một hoạt động khoa học

thực thụ (khoa học văn hóa, khoa học văn học, khoa học xã hội, khoa học công nghệ). V. Dorosevskij (dẫn lại của [4, tr. 323]) đã xem từ điển học là “khoa học về các quá trình phân loại từ và sự thể hiện của chúng trong các từ điển”. Việc biên soạn từ điển, do đó, phải xem như một hoạt động khoa học bởi các đặc điểm sau:

- Có đối tượng nghiên cứu riêng, gắn với các nhu cầu cụ thể của xã hội;

- Dựa trên hệ thống các khái niệm, phạm trù, lý thuyết, giả thuyết nhất định;

- Phản ánh lịch sử của từ và cả lịch sử của việc biên soạn từ điển, các ý tưởng tiên lý thuyết về từ điển (pre-theoretical ideas);

- Chứa đựng những đóng góp độc lập về phương pháp luận;

- Bao gồm các hướng hành động thực tiễn. [4, tr. 323].

Trong một bài viết bàn về việc biên soạn từ điển, I.E. Gullberg cho rằng nhiệm vụ quan trọng và khác biệt của người soạn từ điển là phải tiếp cận với nguồn ngữ liệu sống động từ thực tiễn (“living” sources) [5, tr. 6]. Người biên soạn từ điển phải nỗ lực tạo ra một công cụ hữu hiệu và có tính thực tiễn cho người có nhu cầu sử dụng ngôn ngữ [5, tr. 8].

Việc biên soạn từ điển phải tuân thủ các phương pháp và quy trình chặt chẽ. Theo B.T. Atkins và M. Rundell [3, tr.99], sự thành công của một từ điển phụ thuộc rất nhiều vào tài năng của người biên soạn nhưng phương pháp, quy trình biên soạn đều phải trải qua các bước chính như xác định khung

kiến thức (framework) rõ ràng để xây dựng, tập hợp dữ liệu (database) từ đó xử lý dữ liệu cho phù hợp mục đích và cuối cùng là hoàn thiện từ điển.

S. Tarp [4, tr. 322] cho rằng quy trình biên soạn từ điển gồm 3 bước: i) chuẩn bị (lập kế hoạch, chuẩn bị ngữ liệu và lựa chọn các mục từ); ii) biên tập (sắp xếp các mục từ); iii) thực hiện bản in. Như đã trình bày trên, công việc biên soạn từ điển là một hoạt động thực hành khoa học.

2. Biên soạn từ điển chính tả tiếng Việt

2.1. Lược sử việc biên soạn từ điển, từ điển chính tả tiếng Việt

Việc biên soạn từ điển tiếng Việt (bằng chữ Quốc ngữ) gắn với 3 giai đoạn chính: (i) giai đoạn hình thành chữ Quốc ngữ; (ii) giai đoạn hoàn thiện chữ Quốc ngữ; (iii) giai đoạn hiện nay¹.

Giai đoạn hình thành chữ Quốc ngữ được đánh dấu bằng sự ra đời *Việt - Bồ - La từ điển*² (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum) của Alexandre de Rhodes (1651) [7]. Từ điển này được in bằng chữ Roman gồm 8.000 mục từ tiếng Việt có tương ứng tiếng Bồ Đào Nha và tiếng Latinh. Ngoài ra còn một số từ điển khác, chẳng hạn, *Từ điển Bồ Đào Nha - Annam* của

Gasparo d'Amiral (nửa đầu thế kỷ XVII), *Từ điển Việt - La* của Pierre Joseph Georges Pigneau de Béhaine, (nửa sau thế kỷ XVIII), *Từ điển Việt - La* và *Từ điển La - Việt* của J. L. Tabert (nửa đầu thế kỷ XIX). Tác giả của các từ điển trên do các nhà truyền giáo nước ngoài biên soạn và hướng tới đối tượng là người ngoại quốc. Mặc dù những từ điển nêu trên là các từ điển song ngữ, đa ngữ nhưng việc sử dụng hệ thống chữ Latinh để phiên âm các mục từ có thể xem là *bước tiên phong, khai phá của việc xây dựng hệ thống chính tả tiếng Việt*. Các từ điển này vừa nhằm cung cấp vốn từ, những hiểu biết cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt, vừa là từ điển chính tả cho người ngoại quốc, giúp họ tiếp cận với hệ thống chữ viết, các quy tắc chính âm, chính tả tiếng Việt.

Giai đoạn thứ hai bắt đầu từ thế kỷ XX. Đây là giai đoạn tiếng Việt đã khá hoàn thiện, ổn định về hệ thống chữ viết tiếng Việt và quy tắc ghi âm. Việc biên soạn từ điển lúc này đã từng bước chuyên nghiệp hóa và có sự thay đổi mạnh mẽ từ hướng từ điển đa ngữ sang từ điển đơn ngữ; từ chỗ phục vụ mục đích sử dụng cho người nước ngoài sang phục vụ cho chính người Việt; từ chỗ đơn mục đích sang giai đoạn biên soạn từ điển đa mục đích - ngoài việc sử dụng từ điển giải thích, đối chiếu đã chuyển sang từ điển chuyên sâu, chuyên ngành; các từ điển chính tả cũng bắt đầu xuất hiện nở rộ trong giai đoạn này.

Từ điển trong giai đoạn này có sự gia tăng về số lượng và từng bước chuyển biến theo hướng tích cực về

¹ Nguyễn Đình Hòa [6] chia lịch sử biên soạn từ điển tiếng Việt thành 4 giai đoạn: (i) Giai đoạn truyền giáo, (ii) Giai đoạn Pháp thuộc, (ii) Giai đoạn độc lập và phân chia 2 miền, (iv) Giai đoạn sau 1975.

² Trong công trình này [7], tác giả đã dành Chương 1 (từ trang 2 đến trang 7) để bàn về các chữ cái và âm tiết của tiếng Việt và Chương 2 (từ trang 8 đến trang 10) để bàn về dấu giọng và các dấu phụ khác trong tiếng Việt.

chất lượng. Có thể kể tên một số công trình tiêu biểu như: *Tinh nghĩa Việt ngữ từ điển* của Long Điền Nguyễn Văn Minh (1951), *Từ điển tiếng Việt* do Văn Tân (chủ biên) (1967), *Từ điển Việt Nam* của Lê Văn Đức (1970), *Từ điển đồng nghĩa tiếng Việt* của Nguyễn Văn Tu (1985), *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê (chủ biên) (1988), *Từ điển từ và ngữ Hán - Việt* của Nguyễn Lâm (1989), *Từ điển Hán Việt thông dụng* của Lạc Thiện (1991), *Từ điển yếu tố Hán Việt thông dụng* do Hoàng Văn Hành (chủ biên) (1991), *Từ điển trái nghĩa - đồng nghĩa tiếng Việt* do Dương Kỳ Đức (chủ biên) (1992).

Về từ điển chính tả, giai đoạn này có một số từ điển đáng lưu ý như: *Từ điển chính tả* của Lê Ngọc Trụ (1959), *Từ điển tần số tiếng Việt* của Nguyễn Đức Dân, Lê Quang Thiêm (1980), *Từ điển chính tả thông dụng* của Nguyễn Kim Thản (1984), *Từ điển chính tả tiếng Việt* do Hoàng Phê (chủ biên) (1988).

Giai đoạn hiện nay, khoa học công nghệ đã làm thay đổi diện mạo của từ điển. Ngoài các từ điển được xuất bản dưới hình thức bản in, nhiều từ điển khác được xây dựng bởi các phần mềm và sử dụng online.

Các từ điển bản giấy bao gồm các từ điển trước đây được tái bản (chẳng hạn, *Từ điển tiếng Việt* của GS. Hoàng Phê) và các từ điển được biên soạn mới. Căn cứ vào nội dung và đối tượng sử dụng, các từ điển hiện nay bao gồm từ điển chuyên ngành và từ điển phổ thông, từ điển bách khoa. Trong các dạng từ điển phổ thông hai hình thức từ

điển phổ biến là từ điển chính tả và từ điển giải thích.

Riêng đối với các từ điển phổ thông, hiện nay trên thị trường có sự xuất hiện phổ biến, nở rộ của các loại từ điển đặc biệt là từ điển đơn ngữ, từ điển song ngữ và từ điển chính tả.

Có thể nói, thực trạng biên soạn từ điển hiện nay đặt ra nhiều vấn đề cần phải suy nghĩ nghiêm túc và đòi hỏi các nhà khoa học cũng như các nhà quản lý văn hóa phải có những hành động cụ thể để làm tốt vai trò định hướng, hỗ trợ người dùng và cũng để người sử dụng có thể có được những sản phẩm chất lượng, đáng tin cậy.

2.2. Một số đề xuất trong việc biên soạn từ điển chính tả tiếng Việt

Các mục từ trong từ điển nói chung và từ điển chính tả nói riêng phải được sắp xếp theo một cách hợp lý để người đọc có thể tìm kiếm thông tin nhanh chóng và chính xác. Mỗi loại từ điển có cách tổ chức, sắp xếp các mục từ khác nhau; và ngay trong một loại từ điển (chẳng hạn, từ điển chính tả), sự tổ chức, sắp xếp các mục từ cũng có thể khác nhau tùy thuộc quan điểm, năng lực của người biên soạn.

Việc biên soạn từ điển chính tả, cũng như biên soạn từ điển nói chung, có thể khác biệt giữa các tác giả. Với kỳ vọng hướng tới phục vụ một cách tiện lợi nhất cho người sử dụng, chúng tôi [8] khi xây dựng từ điển chính tả đã hướng tới một số điểm mới so với các từ điển hiện hành như sau:

- Mỗi mục từ được phân thành hai nhóm: (i) nhóm có từ của mục từ ở vị trí

đầu trong thí dụ; (ii) nhóm mà từ của mục từ không ở vị trí đầu trong thí dụ. Ở mỗi nhóm, các thí dụ được sắp xếp theo trật tự chữ cái. Điều này vừa bảo đảm tính khoa học vừa tiện lợi cho người dùng trong việc tra cứu.

- Nêu ra một số trường hợp hay nhầm lẫn về nghĩa, cách dùng do viết sai chính tả. Chẳng hạn, để tránh nhầm lẫn giữa ÁN VĂN với ÁNG VĂN, trong mục từ ÁN và trong mục từ ÁNG, từ điển đưa ra lưu ý:

* Phân biệt ÁN VĂN (phán quyết của tòa án) với ÁNG VĂN (tác phẩm văn chương).

- Nêu ra các trường hợp lưỡng khả (hai cách dùng đều được chấp nhận), chẳng hạn: BAN AN và BAN AN, AN ĐỨC và AN ĐỨC.

- Định hướng cho người dùng sử dụng hình thức chuẩn chính tả. Chẳng hạn, trong mục từ BỘC, từ điển lưu ý:

* BỘC PHÁT nên viết là BỘT PHÁT.

- Nêu các trường hợp không có trong tiếng Việt (như ẨM, ANG, BÊN,...).

- Có nêu ra một số hình thức chính tả phản ánh ghi âm của một số phương ngữ phổ biến và quy chiếu tới hình thức chuẩn chính tả. Chẳng hạn, GIANH (phn) (nhà gianh) x. TRANH.

Chúng tôi hy vọng những người yêu tiếng Việt nói chung và học sinh, sinh viên có nhu cầu viết đúng chính tả và sử dụng đúng nghĩa của những từ dễ bị sai chính tả có thể tìm trong từ điển này những thông tin hữu ích.

Trong cách trình bày, chúng tôi cũng có một số quy ước hướng tới giản tiện cho người sử dụng, cụ thể là từ điển

chỉ đưa ra những mục từ và thí dụ điển hình chứ không liệt kê toàn bộ từ ngữ trong tiếng Việt.

Các mục từ trong từ điển này được sắp xếp theo trình tự chữ cái, trình tự dấu thanh như sau:

- A, Ă, Â, B, C, D, Đ, E, Ê, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, W, X, Y, Z.

- ngang (không dấu), huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng.

Các mục từ trong từ điển sắp xếp theo trật tự chữ cái và dấu giọng nêu trên và theo trình tự trước hết là chữ đầu, tiếp theo đến các chữ khác trong âm tiết (chẳng hạn, “ch” xếp trước “co”, “gh” trước “gi”...).

Trình tự các thí dụ được nêu trong mỗi mục từ được phân thành 2 nhóm: nhóm 1 gồm các thí dụ mà từ trong mục từ xuất hiện ở vị trí đầu và nhóm 2 gồm các thí dụ mà từ trong mục từ không ở vị trí đầu. Chẳng hạn, trong mục BÀI, BÀI TRỪ được xếp ở nhóm 1, trước AN BÀI (xếp ở nhóm 2) vì ở kết hợp đầu, BÀI ở vị trí đầu của kết hợp; trong khi BÀI ở kết hợp thứ hai ở vị trí sau. Các thí dụ trong mỗi mục từ được xếp theo trật tự chữ cái. Hai nhóm (nếu mục từ chứa đủ hai nhóm) được phân tách bằng dấu chấm phẩy; các thí dụ trong một nhóm được phân tách bằng dấu phẩy. Trong một số trường hợp, để tránh nhầm lẫn, thông tin ngữ cảnh được thêm vào, chẳng hạn: (dầu) bạc hà... Phần thông tin ngữ cảnh không được dùng làm cơ sở cho việc sắp xếp từ ngữ theo trình tự chữ cái.

Để thuận tiện cho người dùng, trong nhiều mục từ, một số thông tin lưu ý được đưa vào cuối mục từ. Chẳng hạn, trong mục ÁC, có lưu ý sau:

* Phân biệt ÁC NGHIỆP (tội ác, tội lỗi do mình gây ra) với ÁC NGHIỆP (độc ác và cay nghiệt).

Phần lưu ý được trình bày với cỡ chữ nhỏ hơn.

Một số ký hiệu, diễn đạt thường dùng:

A viết B : hình thức A tồn tại nhưng hình thức chuẩn mực là B.

A nên viết B : cả hai hình thức A và B đều tồn tại nhưng hình thức chuẩn mực là B.

A cũng viết là B : cả hai hình thức A và B đều tồn tại và được chấp nhận.

A x. B : Hình thức B chuẩn hơn A.

(cũ) : cách dùng cũ

(tt): trang trọng

(phn) : phương ngữ

x. x. (quy chiếu tới hình thức đúng chính tả)

/ : hoặc, hay là

Đối với cách dùng không phổ biến hoặc phương ngữ, chúng tôi trình bày như sau: Yếu tố ít dùng hoặc phương ngữ được nêu trước, sau đó là thí dụ (đặt trong ngoặc) và cách viết chuẩn mực được nêu sau. Chẳng hạn, mục BẼN được chú thích như sau:

* BẼN (phn) (ở bển) x. BẼN.

Trong từ điển này chúng tôi chỉ đưa vào một số từ thông tục, địa phương, nghề nghiệp, thuật ngữ phổ biến, đã quen thuộc, hay được sử dụng.

3. Kết luận

Biên soạn từ điển và biên soạn từ điển chính tả là một công việc phức tạp, đòi hỏi người biên soạn phải có những hiểu biết ngôn ngữ học, có sự đầu tư trí lực trong việc lựa chọn ngữ liệu, xử lý ngữ liệu. Xác định mục đích biên soạn rõ ràng, xây dựng phương pháp làm việc khoa học, lập kế hoạch làm việc hợp lý và nhất quán trong xử lý ngữ liệu là nhiệm vụ và yêu cầu mà người biên soạn từ điển phải quán triệt để có thể tạo ra được một cuốn từ điển dễ đọc, hữu ích, bảo đảm tính khoa học. Đối với việc biên soạn một cuốn từ điển chính tả tiếng Việt, ngoài việc phải quan tâm đến phương pháp, quy trình có tính chất phổ quát, người biên soạn từ điển còn phải quan tâm đến những vấn đề đặc thù của tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập điển hình, và hệ thống chữ viết có nhiều điểm riêng của nó. Với những yêu cầu như vậy, việc biên soạn một cuốn từ điển chính tả có chất lượng cao vẫn còn là một thách thức, một mục tiêu cần hướng tới của các nhà Việt ngữ học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nida, Eugene A. (1958), "Analysis of Meaning and Dictionary Making", *International Journal of American Linguistics*, Vol. 24, No. 4, Franz Boas Centennial Volume (Oct., 1958), pp. 279-292
2. Farina, Donna M.T.Cr. (1995), "L. V. Shcherba: Towards a General Theory of Lexicography", *International Journal of Lexicography*, Volume 8, Issue 4, pp. 314-350

3. Atkins B.T., Rundell Michael (2008), *The Oxford Guide to Practical Lexicography*, Oxford University Press
4. Tarp S. (2012), “Do We Need a (New) Theory of Lexicography?”, *Lexikos*, Vol. 22, p. 321-332
5. Gullberg, Ingvar E. (1966), “On Dictionaries and Dictionary-Making”, *Scandinavian Studies*, Vol. 38, No. 1, pp. 1-122
6. Dinh-Hoa Nguyen (1991), “Vietnamese Lexicography”, Herausgegeben von, at al, *Dictionaries: An International Encyclopedia of Lexicography*, Walter de Gruyter & Co
7. Rhodes A. de (1651/1991), *Từ điển Annam-Lusitan-Latinh (Từ điển Việt-Bồ-La)*, (Thanh Lãng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính dịch), Nxb Khoa học Xã hội, TP. Hồ Chí Minh
8. Lê Kính Thắng (2017), *Từ điển chính tả tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

MAKING DICTIONARIES AND THE MAKING OF VIETNAMESE SPELLING DICTIONARIES

ABSTRACT

Making dictionaries is a very early activity and lexicography is a science of dictionary-making. Dictionary with its many different forms has become an indispensable tool for many people, meeting the need for accurate and effective language use. The correct understanding of the scientific nature of dictionary - making is still a necessary and meaningful job for not only linguists but also those interested in language standardization. This article focuses on providing general introduction to dictionaries and making dictionaries, and giving some suggestions on the making Vietnamese spelling dictionaries to meet the needs of current use.

Keywords: *Making dictionaries, dictionary, spelling dictionary, Vietnamese, language standardization*

(Received: 15/11/2020, Revised: 26/11/2020, Accepted for publication: 30/11/2020)